

Bản án số: **38/2018/HNGĐ – ST**

Ngày: 10-01-2018

V/v : "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hiếu

2. Bà Lê Thị Sao

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1045/2017/HNST, ngày 27 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2017/QĐXXST ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T - sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 145/51/25 đường L, phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Lê Quang H - sinh năm 1981

HKTT: 26 đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt)

Tạm trú: 368/34/37 đường T, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi làm việc: 499 đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Lê Quang H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01/2009 ngày 11/02/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H thường hay uống rượu, cờ bạc, có quan hệ với nhiều phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dẫn đến hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm chăm sóc ai. Đôi bên đã ngồi lại tìm cách hàn

gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ để nuôi dạy con cái là không có nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cùng ông H để hai bên có cuộc sống mới ổn định hơn.

-Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lê Gia L, sinh ngày 12/12/2009 và Lê Quang M, sinh ngày 04/11/2013. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cả hai trẻ sống chung với bà, do bà trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ngoài ra từ ngày vợ chồng ly thân ông H không đến thăm con, cho đến khi bà nộp đơn ly hôn ra tòa lần thứ nhất vào tháng 7/2017 thì ông mới đến thăm con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017 và biên bản hòa giải ngày 10/11/2017 Bị đơn ông Lê Quang H trình bày :

Ông thống nhất với bà T về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, khác nhau về cách sống cách nghĩ, vợ chồng không chia sẻ cho nhau được những khó khăn trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, bản thân ông là đàn ông có đi uống rượu và hát karaoke với bạn bè nhưng vợ ông không đồng ý dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, ông muốn vợ chồng đoàn tụ dung hòa để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia L, sinh ngày 12/12/2009 và Lê Quang M, sinh ngày 04/11/2013.

Nếu Tòa xử cho ly hôn thì ông xin được nuôi trẻ M, giao trẻ L cho vợ nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Ông xác nhận từ ngày vợ chồng ông sống ly thân thì ông có đến thăm con hai lần, vào năm 2016 thăm một lần vào buổi tối và ngày 02/9/2017 thăm con một lần ban ngày nhưng không gặp được con do vợ ông đã dẫn con ông đi chơi không gặp.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Quang H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông H có nơi cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt:

- Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 10, quyền số 01/2009 ngày 11/02/2009 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Quang H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ Tòa thu thập, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian chung sống vợ chồng bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nhưng hai bên không cải thiện được mối quan hệ với nhau. Hiện nay, bà T không còn tình cảm và không đồng ý quay về chung sống với ông H nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Mặt khác, ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa, thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

* Về quan hệ con chung:

Bà T yêu cầu được nuôi cả hai con chung là Lê Gia L, sinh ngày 12/12/2009 và Lê Quang M, sinh ngày 04/11/2013, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Nếu Tòa án xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông H đồng ý giao con chung là Gia L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông nuôi trẻ M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu được nuôi cả hai con của bà T là phù hợp với nguyện vọng của trẻ và thực tế từ khi bà T, ông H sống ly thân cho đến nay hai trẻ đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cũng xác nhận từ khi vợ chồng không sống

chung (năm 2015 đến nay) thì ông chỉ đến thăm con được 2 lần nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

***Về cấp dưỡng :** Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu.

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên xác nhận không có.

3. Về án phí : Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với ông Lê Quang H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2009 ngày 11/02/2009 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Quang H không còn giá trị kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Giao cả hai con chung là Lê Gia L, sinh ngày 12/12/2009 và Lê Quang M, sinh ngày 04/11/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà T hoặc ông H, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí : Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo biên lai thu số 0010043 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hay niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Phú
- UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý